

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 3 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ.

2. Ông Đoàn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số: 241/TB-TA ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp BC, xã BC, huyện CP, tỉnh AG; chỗ ở hiện nay: Số 408 tổ 14, ấp HH, xã PH, huyện PT, tỉnh AG (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Cao Thành Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 06, ấp BC, xã BC, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Cao Thị U, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 06, ấp BC, xã BC, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, Biên bản hòa giải ngày 26/5/2021, Biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân thông qua mai mối, tổ chức đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 31/8/2018. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi nhau nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Đến ngày 08/3/2020 thì bà N về nhà cha mẹ ruột tại xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung tên Cao Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 29/7/2018, hiện đang sống chung với ông Đ. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Nguyễn Ngọc Y, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung gồm có:

+ 12 (Mười hai) chỉ vàng 24kara do bà Cao Thị U đang quản lý, bao gồm: 10 (Mười) chỉ vàng 24kara (đeo bông, dây chuyền, lắc) do gia đình bên chồng cho vợ chồng trong ngày cưới và 02 (Hai) chỉ vàng 24kara do vợ chồng làm thuê có được. Yêu cầu chia đôi 12 (Mười hai) chỉ vàng 24kara theo quy định pháp luật.

+ 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 67D1-930.63, vợ chồng mua năm 2019 do bà N đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, hiện do ông Đ đang quản lý, sử dụng; trị giá xe là 50.000.000 đồng. Yêu cầu giao xe cho ông Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; ông Đ có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 25.000.000 đồng.

+ Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), tiền này vợ chồng đã cho bà Cao Thị U mượn, yêu cầu bà U trả lại để chia đôi theo quy định pháp luật.

- Đối với 9,493 chỉ vàng 18kara mà ông Đ đã khai thì bà N không biết về số vàng này. Đối với 1,786 chỉ vàng 18kara, bà N khai số vàng này gồm 01 đôi bông tai và 01 cọng dây chuyền do mẹ ruột cho trước khi kết hôn, bà N luôn mang theo trong người, là tài sản riêng chứ không phải tài sản chung như ông Đ đã khai.

- Đối với số tiền mặt 6.000.000 đồng và 1.500.000 đồng trong thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mà ông Đ đã khai, thì bà N khai hoàn toàn không biết, không phải tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 27/4/2021, Biên bản hòa giải ngày 26/5/2021, ngày 10/12/2021 và Biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2021, ông Cao Thành Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đ và bà N được mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 31/8/2018. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, việc bà N xin ly hôn có thể do mâu thuẫn chuyện tiền bạc giữa bà N và cô ruột ông Đ; do ông Đ ở giữa nên không biết làm gì, từ đó bà N bỏ đi và nộp đơn ly hôn; vợ chồng ly thân từ ngày 07/3/2020 cho đến nay; ông Đ đã cố gắng hàn gắn nhưng bà N không chịu. Nay ông Đ không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông Đ và bà N có 01 con chung tên Cao Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 29/7/2018, hiện đang sống chung với ông Đ. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Nguyễn Ngọc Y, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con; ông Đ sẽ tạo điều kiện cho bà N thăm con.

- Về tài sản chung gồm có:

+ 10 (Mười) chỉ vàng 24kara, do gia đình bên chồng cho vợ chồng trong ngày cưới. Số vàng này do trước khi cưới ông Đ mượn của chị ruột tên Cao Ngọc Đạt. Khi bà N bỏ đi thì ông Đ quản lý 10 (Mười) chỉ vàng 24kara này, sau đó ông Đ đã trả lại 10 chỉ vàng 24kara cho bà Cao Ngọc Đạt, nên số vàng này không còn.

+ 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 67D1-930.63 vợ chồng mua năm 2019 do bà N đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, hiện do ông Đ đang quản lý, sử dụng; thống nhất trị giá xe 50.000.000 đồng. Yêu cầu chia đôi giá trị xe, ông Đ yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền là 25.000.000 đồng và sẽ giao xe cho bà N quản lý, sử dụng.

+ 9,493 chỉ vàng 18kara mua vào ngày 13/02/2020 và 1,786 chỉ vàng 18kara mua vào ngày 04/4/2018, do bà N khi đi mang theo trên người. Số vàng này mua từ nguồn tiền vợ chồng làm thuê có được, trong đó có bao gồm 02 chỉ vàng 24kara bán ra để mua, có giấy mua vàng. Yêu cầu chia đôi số vàng này theo quy định pháp luật.

+ Số tiền 6.000.000 đồng bà N quản lý và đã cho bạn mượn; số tiền 1.500.000 đồng bà N đã rU trong thẻ ATM Ngân hàng Sacombank. Yêu cầu chia đôi số tiền này theo quy định pháp luật.

+ Về số tiền 3.000.000 đồng, trước đây vợ chồng có cho bà Cao Thị U mượn, do vợ chồng sống chung nhà với bà U nên thống nhất cho bà U số tiền này. Nay bà N yêu cầu chia thì ông Đ đồng ý đứng ra trả 3.000.000 đồng này để

chia đôi theo quy định pháp luật; ông Đ sẽ hoàn lại cho bà N số tiền 1.500.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 29/11/2021, Biên bản hòa giải ngày 10/12/2021 và Biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2021, bà Cao Thị U trình bày:

Bà U là cô ruột của ông Đ, sau khi cưới nhau thì vợ chồng ông Đ, bà N về sống chung nhà với bà U, sau đó thì vợ chồng đi làm xa gửi con là cháu Cao Nguyễn Ngọc Y cho bà U ở nhà trông giữ. Hiện cháu Y đang sống chung nhà với bà U và ông Đ. Bà U xác định không có quản lý 12 chỉ vàng 24kara như bà N khai. Về số tiền 3.000.000 đồng thì bà U không có mượn, mà trước đây vợ chồng ông Đ, bà N đưa để phụ giúp bà U sửa nhà.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2022, người làm chứng bà Ngô Thị Phụng khai: Bà Phụng là mẹ ruột bà N. Trước khi đám cưới, từ khi bà N còn con gái và chưa quen biết với ông Đ, thì bà Phụng đã cho bà N 01 (Một) đôi bông tai và 01 (Một) cọng dây chuyền vàng 18kara. Đây là tài sản riêng của bà N chứ không phải tài sản chung như ông Đ đã khai.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2022, người làm chứng bà Cao Ngọc Đạt khai: Bà Đạt là chị ruột ông Đ. Trước khi tổ chức đám cưới thì ông Đ có trực tiếp mượn của bà Đạt 10 (Mười) chỉ vàng 24kara để cưới vợ. Sau khi đám cưới một thời gian thì ông Đ đã trả lại cho bà Đạt 10 (Mười) chỉ vàng 24kara. Do đó, bà Đạt không có yêu cầu gì, do không bị ảnh hưởng về quyền lợi, nghĩa vụ.

Tại phiên tòa,

Bà N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Nguyễn Ngọc Y, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Giữ nguyên yêu cầu chia đôi tài sản chung theo quy định pháp luật bao gồm: 10 (Mười) chỉ vàng 24kara; số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 (Một) chiếc xe hiệu Exciter biển số 67D1-930.63, trị giá 50.000.000 đồng. Bà N rút lại yêu cầu đối với 02 chỉ vàng 24kara. Đối với chiếc xe hiệu Exciter thì bà N yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền là 25.000.000 đồng; giao xe cho ông Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; bà N đồng ý sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông Đ, do bà N không có nhu cầu sử dụng xe này. Về nợ chung không có.

Ông Đ đồng ý ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Nguyễn Ngọc Y, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, ông Đ đồng ý chia đôi theo quy định pháp luật đối với: 10 (Mười) chỉ vàng 24kara, số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 (Một) chiếc xe hiệu Exciter biển số 67D1-930.63, trị giá 50.000.000 đồng. Đối với chiếc xe hiệu Exciter thì ông Đ yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền là 25.000.000 đồng; đồng

ý giao lại xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà N quản lý, sử dụng, do ông Đ đã có phương tiện khác và không có nhu cầu sử dụng xe này.

Ông Đ không yêu cầu chia đôi với các tài sản bao gồm: 9,493 chỉ vàng 18kara; 1,786 chỉ vàng 18kara; số tiền 6.000.000 đồng và số tiền 1.500.000 như đã khai trước đây. Về nợ chung không có.

Bà U khai không có quản lý 12 (Mười hai) chỉ vàng 24kara như bà N đã khai; không có mượn vợ chồng ông Đ, bà N số tiền 3.000.000 đồng. Bà U có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi các tài sản chung của ông Đ và bà N bao gồm: 10 (Mười) chỉ vàng 24kara, số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 (Một) chiếc xe hiệu Exciter trị giá 50.000.000 đồng; chiếc xe Exciter đề nghị giao cho bà N quản lý, sử dụng và bà N hoàn giá trị bằng tiền 25.000.000 đồng cho ông Đ. Đối với cháu Cao Nguyễn Ngọc Y thì giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, do trước đến nay ông Đ và cháu Y sống chung nhà với bà U.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà N ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Cao Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 29/7/2018 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Đề nghị chia đôi giá trị tài sản chung của ông Đ và bà N bao gồm: 10 (Mười) chỉ vàng 24kara, số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 (Một) chiếc xe hiệu Exciter trị giá 50.000.000 đồng. Ông Đ là người quản lý 10 (Mười) chỉ vàng 24kara và số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nên phải hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị bằng tiền cho bà N. Đối với chiếc xe hiệu Exciter đề nghị giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà N trực tiếp quản lý, sử dụng; buộc bà N phải hoàn lại cho ông Đ giá trị bằng tiền là 25.000.000 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu của bà N đối với 02 (Hai) chỉ vàng 24kara.

- Đối với các tài sản bao gồm: 9,493 chỉ vàng 18kara; 1,786 chỉ vàng 18kara; số tiền 6.000.000 đồng và số tiền 1.500.000 mà ông Đ đã khai. Do tại phiên tòa ông Đ không yêu cầu chia đôi với các tài sản này nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà N có yêu cầu bà U trả số tiền 3.000.000 đồng đã mượn và cho rằng bà U quản lý 12 chỉ vàng 24kara. Quá trình giải quyết vụ án, bà U không thừa nhận theo lời khai của bà N; ông Đ và bà N đã thống nhất ông Đ mới là người quản lý tài sản và không yêu cầu đối với bà U. Do đó, Hội đồng xét xử không xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản, mà xác định tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và bà N thống nhất được giá trị chiếc xe máy hiệu Exciter biển số 67D1-930.63 là 50.000.000 đồng, các bên không yêu cầu định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà N và ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện CP, tỉnh AG ngày 31/8/2018 nên hôn nhân được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà N và ông Đ có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bà N giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà N.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà N và ông Đ đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N ly hôn với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung tên Cao Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 29/7/2018, hiện đang sống chung với ông Đ. Xét thấy, ông Đ và bà N sau khi cưới nhau thì sống chung nhà với bà U; khi ông Đ và bà N đi làm xa thì gửi cháu Y cho bà U chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân vào năm 2020 cho đến nay thì cháu Y do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định tại nhà của bà U. Ông Đ và bà N hiện nay đều đi làm thuê, có thu nhập có thể đảm bảo việc nuôi con; cả bà N và ông Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Qua xem xét thực tế về điều kiện nuôi con, để tạo điều kiện cho cháu Y

được ổn định về tâm lý, chỗ ở, học tập và sự phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Y cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ phải đảm bảo quyền thăm nom con của bà N theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, ông Đ và bà N thống nhất chia đôi theo quy định pháp luật đối với các tài sản chung bao gồm: 10 (Mười) chỉ vàng 24kara, số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 (Một) chiếc xe hiệu Exciter, thống nhất giá trị xe là 50.000.000 đồng. Xét thấy:

[5.1] Đối với 10 (Mười) chỉ vàng 24kara. Ông Đ khai trước khi đám cưới thì ông Đ mượn của bà Cao Ngọc Đạt 10 chỉ vàng 24kara để cho vợ trong ngày cưới; sau khi vợ chồng ly thân thì ông Đ là người quản lý số vàng này và đã trả lại 10 chỉ vàng 24kara cho bà Đạt. Bà N khai không biết việc ông Đ mượn vàng của bà Đạt; bà Đạt khai ông Đ là người trực tiếp mượn vàng và trả vàng cho bà Đạt. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở xác định việc mượn 10 chỉ vàng 24kara của bà Đạt là nợ chung của vợ chồng, nên xác định đây là nợ riêng của ông Đ. Ông Đ là người quản lý số vàng này và thống nhất chia đôi. Do đó, ông Đ có nghĩa vụ phải hoàn lại cho bà N giá trị bằng tiền tương đương với 05 chỉ vàng 24kara, giá vàng được tính tại thời điểm xét xử.

Qua xác minh tại tiệm vàng Huy Chương thuộc ấp Bình Hòa, thị trấn Cái Dầu, giá vàng loại 24kara ngày 16/3/2022 như sau: Mua vào có giá 5.480.000 đồng/chỉ; bán ra có giá 5.510.000 đồng/chỉ. Giá vàng bình quân là 5.495.000 đồng/chỉ. Như vậy, ông Đ có nghĩa vụ phải hoàn lại cho bà N giá trị của 05 chỉ vàng 24kara tương đương giá trị bằng tiền là 27.475.000 đồng.

[5.2] Đối với số tiền 3.000.000 đồng, ông Đ thống nhất chia đôi nên ông Đ có nghĩa vụ phải hoàn lại cho bà N số tiền 1.500.000 đồng.

[5.3] Đối với 01 (Một) chiếc mô tô hiệu Exciter biển số 67D1-930.63, do ông Đ đang quản lý xe và giấy chứng nhận đăng ký xe; ông Đ và bà N thống nhất giá trị chiếc xe là 50.000.000 đồng. Ông Đ khai đã có xe khác để sử dụng riêng; chiếc xe hiệu Exciter do ông Đ đang quản lý, bảo quản tại nhà của bà U, ông Đ không có nhu cầu sử dụng. Bà N cũng khai đã có phương tiện khác và không có nhu cầu sử dụng chiếc xe Exciter này. Cả ông Đ và bà N đều không đồng ý trực tiếp nhận xe mà yêu cầu nhận giá trị bằng tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N là người đứng tên hợp pháp trên giấy chứng nhận đăng ký xe nên bà N sẽ đảm bảo được việc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với chiếc xe khi lưu thông hoặc thực hiện các giao dịch có liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao xe cho bà N trực tiếp quản lý, sử dụng là phù hợp. Bà N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị bằng tiền là 25.000.000 đồng cho ông Đ. Ông

Đ có nghĩa vụ phải giao xe và bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà N quản lý, sử dụng.

Sau khi đối chiếu các khoản tiền trên, ông Đ phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà N số tiền như sau:

$$(27.475.000đ + 1.500.000đ) - 25.000.000đ = 3.975.000 \text{ đồng.}$$

Trường hợp trong quá trình quản lý chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 67D1-930.63 cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Cao Thành Đ làm mất hoặc hư hỏng đối với xe mô tô này, dẫn đến không thể giao được xe này cho bà N thì ông Đ phải bồi thường cho bà N giá trị xe là 50.000.000 đồng.

[5.4] Bà N rU lại yêu cầu đối với 02 (Hai) chỉ vàng 24kara nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5.5] Đối với 9,493 chỉ vàng 18kara; 1,786 chỉ vàng 18kara; số tiền 6.000.000 đồng và số tiền 1.500.000 đồng. Các bên thống nhất không yêu cầu chia đối với các tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Đối với án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung, ông Đ và bà N phải chịu trên giá trị tài sản được chia theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 33, 35 và 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Cao Thành Đ.

2. Về con chung:

- Ông Cao Thành Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2018.

- Ông Cao Thành Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được

cản trở. Ông Cao Thành Đ cùng các thành viên gia đình của ông Đ, không Đ cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp bà N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà N.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với 02 (Hai) chỉ vàng 24kara.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc chia tài sản chung.

+ Buộc ông Cao Thành Đ có nghĩa vụ phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N giá trị tài sản chung với số tiền là 3.975.000 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc ông Cao Thành Đ có nghĩa vụ phải giao cho bà Nguyễn Thị N 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter biển số 67D1-930.63, số khung: 1010KY156224, số máy: G3D4E923014 và 01 (Một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô này, mang tên Nguyễn Thị N.

+ Trường hợp trong quá trình quản lý tài sản cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Cao Thành Đ làm mất hoặc hư hỏng đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter biển số 67D1-930.63, số khung: 1010KY156224, số máy: G3D4E923014, dẫn đến không thể giao được xe này cho bà N thì ông Đ phải bồi thường cho bà N giá trị xe là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

4. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 2.699.000 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung, được trừ vào số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0008592 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG. Bà N còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.249.000 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Ông Cao Thành Đ phải chịu 2.699.000 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Cao Thành Đ, bà Nguyễn Thị N, bà Cao Thị U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh An Giang;
 - VKSND huyện Châu Phú;
 - CCTHADS huyện Châu Phú;
 - UBND xã BC
- (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Hiến

Nguyễn Văn Giữ

Nguyễn Duy Linh

